

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314/2023/DS-PT
Ngày: 29-5-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 437A/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 564/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Kiều H, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn: Trần Thái B, sinh năm 1975 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/10/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Đường M, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Y, sinh năm 1953 (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Y:

1.1. Phạm Thị K, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Nguyễn Anh K1, sinh năm 1985 (vắng mặt);

1.3. Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1987 (có mặt);

1.4. Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1989 (vắng mặt);

1.5. Nguyễn Thúy H1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Thị K, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Thị K: Nguyễn Trung T, sinh năm 1979 (theo Giấy ủy quyền ngày 22/4/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường MB, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Thảo N, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1980 (vắng mặt);

4. Huỳnh Thái N2, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

5. Trần Thị P, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Phạm Văn B1, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang

- *Người làm chứng:* Phạm Thị T2, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Thị Kiều H, bị đơn Phạm Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H, ủy quyền cho ông Trần Thái B trình bày:*

Năm 2011, ông Nguyễn Y và bà Phạm Thị K có hỏi chị Phạm Thảo N và anh Nguyễn Ngọc T1 để vay tiền nhiều lần nhưng chị N, anh T1 không đồng ý, bà Võ Thị Kiều H có đứng ra nhận tiền trực tiếp từ chị N, anh T1 và đưa lại cho bà K nhiều lần, tổng cộng là 900.000.000 đồng. Do bà K là chị chồng người trong gia đình nên đưa tiền không có làm biên nhận. Cụ thể như sau:

- Đến ngày 30/7/2011 âm lịch, tổng kết lại là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, các lần giao tiền không có biên nhận, ông Y, bà K trả lãi được 02 tháng.

- Ngày 18/9/2011 âm lịch, bà K, ông Y mượn tiếp 150.000.000 đồng nên bà H có nhận tiền từ chị N đưa lại cho bà K nhận, không có biên nhận và trả lãi được 01 tháng 4%/tháng.

- Ngày 19/10/2011 âm lịch, bà K, ông Y mượn tiếp 150.000.000 đồng nên bà H có nhận tiền từ chị N đưa lại cho bà K nhận, không có biên nhận và chưa trả tiền lãi.

- Ngày 10/11/2011 âm lịch, bà K, ông Y mượn tiếp 100.000.000 đồng nên bà H có nhận tiền từ chị N nhưng do chị N đưa lại cho bà Trần Thị P đem về cho bà H và bà H có điện thoại kêu bà K nhận, bà K có nhờ cháu Phạm Thị Ngọc L đem về dùm, sau đó chồng chị L là Huỳnh Thái N2 đến bà H nhận về đưa lại cho bà K, không có biên nhận, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng và chưa trả tiền lãi.

Sau đó, ông Y, bà K vợ nợ thì vợ chồng bà H và vợ chồng chị N có đến tính toán nợ với bà K, ông Y thì ông Y, bà K làm giấy tay đồng ý bán 2.000m² đất để trừ vào số nợ thiếu của chị N, thiếu sẽ trả tiếp. Nhưng sau đó, bà K có nhờ bà H nhận lại giấy tay bán đất để làm biên nhận lại, nhưng sau khi nhận lại giấy bán đất thì bà K, ông Y không chịu làm giấy nợ và cũng không đồng ý trả số nợ 900.000.000 đồng cho bà H.

Nay nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H yêu cầu bà Phạm Thị K, những người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Y (đã chết) để lại phải trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền vốn gốc 900.000.000 đồng, tiền lãi 1,125%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử và trừ lại 03 tháng tiền lãi là 46.000.000 đồng, còn lại yêu cầu phải trả.

** Bị đơn bà Phạm Thị K trình bày:*

Vào năm 2011, bà K và chồng bà là ông Nguyễn Y không có mượn tiền của bà H với số tiền 900.000.000 đồng và cũng không có nhờ bà H mượn tiền chị Phạm Thảo N dùm. Ông bà chỉ trực tiếp vay tiền của chị Phạm Thảo N số tiền 150.000.000 đồng và đã trả xong. Khi bị vợ nợ thì vợ chồng bà có kêu anh em đến để tính toán nợ, anh em chưa đến thì vợ chồng bà H và chị N đến, bà H kêu vợ chồng bà bán đất cho chị N với giá 20 lượng vàng 24K để trừ nợ cho chị N, việc mua bán đất làm giấy tay. Sau đó có người hỏi mua đất này giá cao hơn nên vợ chồng bà nhờ bà H lấy lại giấy tay mua bán đất với chị N để bán cho người khác.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H, bà K không đồng ý vì không có vay tiền của bà H.

** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Y là bà Phạm Thị K, Nguyễn Thúy H1, Nguyễn Anh K1, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc V thống nhất trình bày:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Y luôn trình bày khẳng định bà K không có hỏi mượn tiền gì của bà H, ông Y không biết gì về số tiền bà

H cho bà K vay, ông Y không vay tiền của bà H và không có chứng cứ nào chứng minh vợ chồng Phạm Thị K và Nguyễn Y vay mượn tiền của bà H. Nếu xác định có việc vay mượn tiền giữa bà H với bà K dẫn đến nợ nần thì đó là nợ riêng của bà K không liên quan đến ông Y nên không chịu trách nhiệm. Bà H kiện luôn ông Nguyễn Y là không đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Kiều H, có ý kiến như sau: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H là trả tiền vốn 900.000.000 đồng và tiền lãi suất vì ông Y, bà K không có vay. Trong vụ án này, ông Y không biết việc vay mượn tiền bà H nên không có nghĩa vụ trả. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp đoạn băng ghi âm bị cắt ghép không có bản gốc là vi phạm tố tụng, không chứng minh được là vợ chồng bà Phạm Thị K có vay tiền của Võ Thị Kiều H nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Y không đồng ý trả cho bà H số tiền nào.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày:*

Trong số tiền bà K nợ bà H thì bà có biết số tiền vay cuối cùng vào ngày 10/11/2011 âm lịch, vì bà ở gần nhà chị Phạm Thảo N nên bà H nhờ nhận dùm số tiền 100.000.000 đồng từ chị N về đưa lại cho bà H, bà biết được số tiền này là do bà H cho bà K vay nhưng bà K không đến nhận mà nhờ cháu rể là Huỳnh Thái N2 đến nhận về đưa lại cho bà K, bà xác định số tiền này bà K vay chứ không phải chị Phạm Thị Ngọc L vay. Bà biết được vợ chồng bà K còn nợ bà H 900.000.000 đồng vì lúc vỡ nợ bà K có nói cho bà biết, số tiền 150.000.000 đồng bà K vay của chị Phạm Thảo N nằm ngoài số tiền 900.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thảo N trình bày:*

Chị là bạn của bà H, trong năm 2011, chị có đưa cho bà H mượn tiền nhiều lần, chị không nhớ cụ thể, tổng cộng chị đưa bà H 900.000.000 đồng, chị biết số tiền này bà H đưa lại bà K vay. Chị có cho bà K vay số tiền 150.000.000 đồng, bà K trả cho chị xong, không liên quan gì với số tiền 900.000.000 đồng của bà H cho bà K vay. Chị biết được số tiền này bà H mượn về đưa bà K là vì mỗi lần bà K vay tiền là điện thoại cho chị nhưng chị không cho mượn trực tiếp mà đưa cho bà H về đưa cho bà K. Khi bà K bị vỡ nợ, vợ chồng chị có dùng điện thoại ghi âm cuộc nói chuyện với bà K, bà K có thừa nhận nợ bà H. Do ghi âm cuộc nói chuyện dài dòng có những phần không liên quan nên cắt bỏ, hiện bản chính ghi âm là thẻ nhớ trong điện thoại chị không còn giữ, giao hết cho bà H. Do lúc đầu chị không biết bà K nên không cho bà K vay mà đưa tiền cho bà H, thời gian sau bà H có dẫn bà K tới giới thiệu nên chị có cho bà K vay 150.000.000 đồng, không nằm trong số tiền 900.000.000 đồng bà H đưa cho bà K.

Nay chị và chồng chị Nguyễn Ngọc T1 không yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Ngọc L trình bày:*

Do bà K không biết chữ nhiều, chỉ biết ghi họ tên nên có nhờ chị ghi sổ nợ dùm, chị biết bà K có nợ bà H số tiền 900.000.000 đồng vì khi ghi lại sổ bà K có nói. Do chị có nợ bà K 400.000.000 đồng nên bà K có tố cáo chị lên Công an

tỉnh Tiền Giang, ông Y có nói chị nhận số nợ 900.000.000 đồng của bà H thì ông và bà K sẽ rút đơn nhưng chị không đồng ý vì không có vay tiền bà H, đối với số tiền 100.000.000 đồng bà K là người vay của bà H đưa lại chị vay chứ chị không có vay tiền bà H, cuốn sổ hiện chị không còn giữ.

** Tại phiên tòa sơ thẩm,*

- Anh Trần Thái B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị Kiều H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị K và những người thừa kế ông Nguyễn Y trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 900.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi như sau:

+ Số tiền 500.000.000 đồng từ tháng 7/2011 âm lịch (tháng 8/2011 dương lịch) đến ngày xét xử 9/2022 là 134 tháng ($500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 134 \text{ tháng} = 753.750.000 \text{ đồng}$).

+ Số tiền 150.000.000 đồng từ tháng 9/2011 âm lịch (tháng 10/2011 dương lịch) đến ngày xét xử 9/2022 là 132 tháng ($150.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 132 \text{ tháng} = 222.750.000 \text{ đồng}$).

+ Số tiền 150.000.000 đồng từ tháng 10/2011 âm lịch (tháng 11/2011 dương lịch) đến ngày xét xử 9/2022 là 131 tháng ($150.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 131 \text{ tháng} = 221.062.500 \text{ đồng}$).

+ Số tiền 100.000.000 đồng từ tháng 11/2011 âm lịch (tháng 12/2011 dương lịch) đến ngày xét xử 9/2022 là 130 tháng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 130 \text{ tháng} = 146.250.000 \text{ đồng}$).

Trừ lại tiền lãi đã nhận là 46.000.000 đồng. Còn lại tiền lãi phải trả 1.297.812.500 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 2.197.812.500 đồng.

Xác định việc vay mượn tiền giữa bà Phạm Thị K với bà Võ Thị Kiều H là có thật, do bà con trong gia đình và thói quen của người dân miền Tây tin tưởng nhau nên giao dịch không làm giấy tờ. Ngoài cái USB không còn bản gốc, cắt ghép không là chứng cứ thể hiện bà K có vay tiền thì còn nhiều người làm chứng khách quan khác trong đó có cha ruột Nguyễn Văn X và những người khác không quen biết, không mâu thuẫn nên trình bày của họ là khách quan, đối với cuốn sổ 51 trang bà K cố tình không giao nộp thể hiện sự giấu diếm nợ với bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Phạm Thị K, ủy quyền cho anh Nguyễn Trung T vẫn giữ ý kiến: Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Y không vay tiền của bà Võ Thị Kiều H với các lý do: Những người khai biết việc bà K nợ bà H là mơ hồ, mâu thuẫn, chỉ khai nghe nói lại chứ không trực tiếp thấy giao nhận tiền, việc cho vay (nếu có) là không kỳ hạn, không tính lãi, theo trình bày thì bà H là người bảo lãnh nợ (nếu có), việc vay tiền thì chỉ mình bà K vay, ông Y không biết, không có trách nhiệm phải trả nợ, lời khai của ông X không chính xác, ông X lớn tuổi, sống chung với vợ chồng bà H. Nếu có việc vay tiền thì đây chỉ là sự thỏa thuận còn sự việc vay tiền chưa xảy ra. Xác định bà H

không cho bà K vay khoản tiền nào, bà K chỉ vay của chị N 150.000.000 đồng và đã trả xong. Đối với cuốn sổ bà K không còn giữ vì bị thất lạc và không nộp bản chính cho cơ quan nào. Do đó, không đồng ý trả số tiền vốn và lãi như nguyên đơn yêu cầu.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 437A/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 474, 476 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; các điều 463, 466, 468 và khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H.

1/ Buộc Phạm Thị K, Nguyễn Thúy H1, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Anh K1 liên đới trả số tiền là 247.375.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kiều H yêu cầu Phạm Thị K, Nguyễn Thúy H1, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Anh K1 liên đới trả số tiền là 2.197.812.500 đồng.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 11/10/2022, nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bị đơn bà Phạm Thị K và những người thừa kế tài sản của ông Y phải trả cho bà số tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử là 1.297.812.500 đồng, tổng cộng là 2.197.812.500 đồng.

* Ngày 14/10/2022, bị đơn bà Phạm Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đối với số tiền 800.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng vay của chị N về đưa lại cho bà K thì ngoài lời trình bày của bà H,

còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trình bày chỉ nghe nói lại sau khi bà K vỡ nợ chứ không có chứng kiến trực tiếp việc vay mượn tiền giữa bà K với bà H, ngoài ra bà H không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh có việc vay tiền giữa bà K với bà H, do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H về việc trả số tiền vốn 800.000.000 đồng và tiền lãi. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà K không đồng ý trả số tiền vốn 100.000.000 đồng, bà H thừa nhận bà H đưa số tiền 100.000.000 đồng cho anh N2, để anh N2 đem về đưa lại cho bà K, nhưng bà H cũng không có chứng cứ nào để chứng minh là anh N2 có đưa lại cho bà K số tiền 100.000.000 đồng hay không, bà K không thừa nhận có nhận 100.000.000 đồng từ anh N2, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Võ Thị Kiều H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị K và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Y trả nợ; bà K, ông Y có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại các điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Y là Nguyễn Anh K1, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Thúy H1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T1, Phạm Thị Ngọc L, Huỳnh Thái N2, Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt anh K1, V, chị H1, anh T1, chị L, anh N2, bà P.

[3] Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Kiều H và bà Phạm Thị K đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo:

- Ngày 11/10/2022, nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bị đơn bà Phạm Thị K và những người thừa kế tài sản của ông Y phải trả cho bà số tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử là 1.297.812.500 đồng, tổng cộng là 2.197.812.500 đồng.

- Ngày 14/10/2022, bị đơn bà Phạm Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H: Bà H trình bày bà H vay tiền từ chị N về đưa lại cho bà K, ông Y vay lại tổng cộng là 900.000.000 đồng vào năm 2011, bà H là người đưa tiền trực tiếp cho bà K nhận tại 03 lần ngày 30/7 nhận 500.000.000 đồng, 18/9 và 19/10 nhận mỗi lần 150.000.000 đồng, do là chị em trong gia đình nên không làm biên nhận nhận tiền, khi giao nhận tiền thì không ai nhìn thấy, khi vỡ nợ thì bà K có nói chuyện với chị N thì có ghi âm. Qua giám định và trong quá trình giải quyết, các bên thừa nhận bản ghi âm bị cắt ghép và không còn bản gốc nên không trưng cầu giám định lại được, hơn nữa theo nội dung ghi âm thì bà K không nói rõ là nợ bao nhiêu, tại tường trình nội dung ghi âm (bút lục 54a) không thể hiện nội dung nào là bà K có thừa nhận vay của bà H số tiền 900.000.000 đồng như bà H khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N trình bày do không tin tưởng bà K, chị không đồng ý cho bà K vay nên chị đưa bà H 900.000.000 đồng, chị biết số tiền này bà H đưa lại bà K vay là không có căn cứ khách quan. Vì cũng chính chị N thừa nhận chị có trực tiếp cho bà K vay 150.000.000 đồng, số tiền bà K vay của chị là sau các lần bà K vay của bà H và chị N cũng biết khi vay của chị thì bà K chưa trả cho bà H, chị N cho rằng không tin tưởng bà K nên mới đưa tiền cho bà H, nhưng khi bà K chưa trả tiền cho bà H thì chị N lại là người trực tiếp đưa tiền cho bà K và số tiền này thì bà K đã trả cho chị N xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thu thập tài liệu Công an tỉnh tại biên bản làm việc Công an ngày 23/02/2012 thì bà K có nộp cho Công an sổ photocopy của bà K nhờ chị L ghi, sau đó Công an trả lại bà K và bản gốc không còn vì thất lạc nên không thu thập được. Chị Phạm Thị Ngọc L trình bày bà K không biết chữ nhiều chỉ biết ghi họ tên nên có nhờ chị ghi sổ nợ dùm, chị biết bà K có nợ bà H số tiền 900.000.000 đồng vì khi ghi lại sổ bà K có nói. Giữa chị L và bà K có mâu thuẫn nhau, chị L có nợ bà K 400.000.000 đồng nên bà K đã tố cáo chị L lên Công an tỉnh Tiền Giang nên việc chị L làm chứng không có căn cứ khách quan.

Ngoài ra đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án cho rằng có biết việc vay tiền nhưng không chứng kiến trực tiếp việc giao tiền, chỉ nghe nói lại sau khi bà K bị vỡ nợ, do đó các trình bày của những người này không khách quan. Đối với ông Nguyễn Văn X là cha của bà K có trình bày biết được sự việc do ở chung nhà với bà H và chỉ biết vay 900.000.000 đồng, còn các lần cụ thể bao nhiêu không biết, do đó thể hiện sau khi bà K vỡ nợ ông X mới biết. Ngược lại bà Đoàn Thị T3 là mẹ ruột của bà K và ông B1 có Đơn xác nhận ngày 11/6/2014 thì xác định vợ chồng bà K không có nợ vợ chồng bà H và ông B1, B1 và H lợi dụng ông X không biết chữ, đưa ký nói là ký giáp ranh nên ông X mới ký. Ông X và bà T3 là cha mẹ của bà K và ông B1 chồng bà H là người có quan hệ ruột thịt với nguyên đơn và bị đơn lại có

lời khai mâu thuẫn nhau nên Hội đồng xét xử không thể xem xét các lời khai trên để làm chứng cứ cho việc giải quyết vụ án.

Bà Phạm Thị T2 là chị ruột của bà K và chị chồng của bà H trình bày có nghe bà K nói lại là có nợ vợ chồng B1 H 900.000.000 đồng, ngược lại ông Phạm Văn Đ cũng là em ruột bà K và anh ruột của ông B1 tại giấy xác nhận ngày 02/6/2014 thì xác nhận bà K và ông Y không nợ vợ chồng ông B1. Bà T2 và ông Đ là người có quan hệ ruột thịt với nguyên đơn và bị đơn có lời khai mâu thuẫn nhau nên Hội đồng xét xử không thể xem xét các lời khai trên để làm chứng cứ cho việc giải quyết vụ án.

Ngoài các chứng cứ phân tích trên thì nguyên đơn cho rằng do phong tục người miền Tây tin tưởng nhau, chị em trong gia đình nên không có biên nhận, xác định có sự việc vay tiền từ bà K, ông Y là không có cơ sở để xem xét. Ngoài các chứng cứ này thì bà H không cung cấp chứng cứ nào khác có cơ sở để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu bà Phạm Thị K, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Y trả số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc cùng tiền lãi.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị K: Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10/11/2011 âm lịch, bà Trần Thị P trình bày bà nhận tiền từ chị N và đưa lại cho bà H, trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng bà không có đưa cho bà K mà đưa cho anh Huỳnh Thái N2 nhận, anh N2 cũng thừa nhận là có nhận số tiền 100.000.000 đồng từ bà H, sau đó về đưa cho bà K và bà K cho vợ chồng anh vay lại. Bà H cho rằng bà K điện thoại kêu anh N2 qua nhận nhưng bà K không thừa nhận và bà H không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện là bà K có kêu anh N2 qua nhận nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Chị L và anh N2 trình bày là có vay của bà K số tiền 100.000.000 đồng và bà K kêu đến gặp bà H nhận tiền. Tại Đơn tố giác ngày 03/4/2012 thì chị L tố cáo bà H có nội dung ngày 09/11/2011 âm lịch thì chị L có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, thì tiếp đến ngày 10/11/2011 âm lịch lại vay của bà K mà đến lấy tiền từ bà H, giữa bà H và chị L đã có quan hệ vay mượn. Do đó lời trình bày của chị L, anh N2, bà H là bà K vay số tiền 100.000.000 đồng từ chị N, sau đó chị N đưa cho bà H, rồi bà H lại đưa cho anh N2, rồi anh N2 đem về đưa bà K, sau đó bà K lại đưa lại cho vợ chồng anh N2 vay là mâu thuẫn và không phù hợp với thực tế.

Thực tế thì bà H thừa nhận đưa tiền cho anh N2, anh N2 thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000 đồng từ bà H, còn việc anh N2 có đưa cho bà K hay không thì không được bà K thừa nhận và cũng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Việc bà H đưa anh N2 số tiền 100.000.000 đồng là mối quan hệ giữa anh N2 với bà H.

Án sơ thẩm buộc bà K và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Y trả cho bà H số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 147.375.000 đồng

là không có căn cứ. Do đó bà K kháng cáo cho rằng không có vay tiền của bà H nên không đồng ý trả số tiền vốn và lãi như án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

Từ những căn cứ đã phân tích, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kiều H, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K.

[7] Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H nên căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà H và bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kiều H.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 437A/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ các điều 474, 476 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 và khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H về việc buộc Phạm Thị K, Nguyễn Thúy H1, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Anh K1 liên đới trả số tiền vốn 900.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử là 1.297.812.500 đồng, tổng cộng là 2.197.812.500 đồng.

2/ Về án phí:

Bà Võ Thị Kiều H phải chịu 70.513.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Kiều H và bà Phạm Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0021080 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại bà K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0021148 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền